

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HSST

Ngày: 16-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Đức;

Ông Ngô Văn Lễ;

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2019/TLST-HS ngày 16/4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/QĐXXST-HS ngày 02/5/2019 đối với các bị cáo sau:

1. Bùi Thị Kim Ph. Sinh ngày 09/3/1971 tại Kon Tum. Nơi cư trú: tổ 05, phường Tr, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; có chồng là Hồ Quang H (đã chết), có 02 con; tiền án: 01 tiền án, Tại bản án số 140 ngày 22/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum tuyên phạt bị cáo 05 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo chấp hành án xong được ra trại ngày 03/01/2018, tiền sự: không; Nhân thân: Tại bản án số 07 ngày 27/3/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum tuyên phạt bị cáo 10 năm tù giam về tội Chứa mại dâm (đã xóa án tích); tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2018 đến nay. Có mặt.

2 .Bùi Văn Tr. Sinh ngày 13/10/1984 tại H Phòng. Nơi ĐKKHKT: thôn Đức Hiệp, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Chỗ ở: thôn 4, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Ú và bà Phạm Thị Ph; có vợ

là Hoàng Thị D, có 02 con; tiền án: 01 tiền án, Tại bản án số 59 ngày 05/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đắk M, tỉnh Đắk Nông tuyên phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành án xong được ra trại ngày 09/10/2015 đến ngày 20/7/2018 mới chấp hành xong nghĩa vụ bồi thường dân sự, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2018 đến nay. Có mặt.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:** Luật sư Tống Đức Ngũ – Văn phòng Luật Sư Hà Trung, Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai; Có mặt.

*** Người làm chứng:**

Ông Hoàng Văn Th, sinh năm: 1968

Trú tại: số 218 Lê Lợi, tổ 13, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3 năm 2018 Bùi Thị Kim Ph liên hệ với Bùi Văn Tr đề mua ma túy vận chuyển về tỉnh Kon Tum để bán cho các con nghiện. Đến ngày 29/3/2018 Ph thuê xe taxi đi từ thành phố Kon Tum sang thành phố BMTH, tỉnh Đắk Lắk để gặp Tr mua ma túy, giữa Ph và Tr thỏa thuận giá mua bán 1 cây Heroin là 35 triệu đồng, trong ngày 29/3/2018 Ph chuyển cho Tr tổng cộng là 25 triệu đồng qua dịch vụ Bank Plus của Viettel, và Tr bỏ thêm 10 triệu đồng (tiền Tr nợ Ph trước đó). Tr liên lạc với đối tượng tên H để mua ma túy. H gửi Heroin cho Tr theo tuyến xe buýt từ thành phố BMTH qua tỉnh Đắk Nông. Đến khoảng 18 giờ ngày 29/3/2018 Ph đi xe taxi đến đón Tr tại khu vực giáp ranh giữa tỉnh Đắk Nông và Đắk Lắk cả hai tiếp tục lên xe taxi đi về Kon Tum.

Lúc 00 giờ 00 phút ngày 30/3/2018, khi đi đến khu vực thôn Ph T, xã Ia B, huyện Ch Pr, tỉnh Gia Lai thì xe taxi bị kiểm tra, lực lượng phòng chống ma túy Công an tỉnh Gia Lai đã phát hiện và tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang đối với Bùi Thị Kim Ph và Bùi Văn Tr về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ của Ph là 02 gói chứa chất rắn màu trắng; kiểm tra trong túi áo khoác bên PH của Tr cơ quan điều tra thu giữ được một ít chất bột màu trắng còn dính đồng thời thu giữ trên bề mặt ghế phụ của xe taxi tại vị trí của Tr ngồi có vương vãi một ít chất bột màu trắng, Cơ quan điều tra đã gom lại và niêm phong toàn bộ tang vật tạm giữ của Ph và Tr. Ngoài ra còn tạm giữ của Ph 03 điện thoại di động, 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM và 700.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 249/KLGD ngày 06/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận:

-Chất màu trắng dạng bột, cục thu giữ của Bùi Văn Tr gửi giám định là Heroin có khối lượng 0,1438 gam.

-Chất rắn dạng bột, cục trong 02 gói thu giữ của Bùi Thị Kim Ph gửi giám định là Heroin có khối lượng 35,9925 gam

Tại cáo trạng số 61/CTr-VKS-P1 ngày 21/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân

tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Bùi Thị Kim Ph và Bùi Văn Tr về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Ngày 23/10/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai có Quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai theo Công văn số 194/CV-VKS-P1, ngày 17/10/2018 đề nghị rút hồ sơ của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai.

Ngày 07/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có công văn số 45/VKS-P1 “V/v Chuyển hồ sơ vụ án Bùi Thị Kim Ph, cùng đồng phạm đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử theo Cáo trạng số 61/CTr-VKS-P1 ngày 21/8/2018”

2. Diễn biến tại phiên tòa:

- Tại phiên tòa bị cáo Ph khai, mối quan hệ giữa bị cáo với bị cáo Tr là mối quan hệ làm ăn mua bán Tượng gỗ, bị cáo là người bán còn bị cáo Tr lag người mua. Sáng ngày 29/3/2018 bị cáo chuyển tiền mua bán Tượng gỗ cho Tr mượn, cùng ngày bị cáo đi taxi từ Kon Tum qua Đăk Nông để gặp Tr lấy lại tiền. Trên đường về lại Kon Tum thì Tr có xin bị cáo đi cùng để vào rừng làm gỗ, lúc dừng nghỉ chân bị cáo biết Tr có ma túy nhưng bị cáo nghĩ số ma túy đó Tr để sử dụng. Lúc bị lực lượng Công an dừng xe kiểm tra Tr nhờ bị cáo cầm dùm nên bị cáo mới giúp Tr.

- Bị cáo Tr khai số ma túy Ph cầm dùm là do bị cáo mua để sử dụng trong lúc vào rừng làm gỗ, bị cáo mua nhiều ma túy như vậy để dùm dần vì sẽ vào rừng một thời gian dài. Khi bị tổ tuần tra dừng xe bị cáo sợ bị phát hiện nên đưa số ma túy đó cho Ph cất giữ vì nghĩ Ph là phụ nữ sẽ không bị nghi ngờ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Bùi Thị Kim Ph và Bùi Văn Tr phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; Điều 17, Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015,

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Kim Ph mức án tù 17 đến 18 năm tù

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Tr mức án tù 16 đến 17 năm tù

- Do các bị cáo không có tài sản khác nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

- Về vật chứng: tịch thu tiêu hủy 02 phong bì có chứa Heroin, tịch thu sung công quỹ nhà nước 03 điện thoại di động các bị cáo dùng vào việc liên lạc mua bán ma túy; Trả lại cho bị cáo Ph 01 điện thoại di động, 01 hộ chiếu và chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị Kim Ph, trả lại cho bị cáo Tr 01 điện thoại di động, 01 chứng minh nhân dân và Thẻ ngân hàng mang tên Bùi Văn Tr, trả cho bị cáo Tr số tiền 700.000 đồng nhưng cần bảo thủ để bị cáo thực hiện nghĩa vụ thi hành án dân sự số tiền còn lại sẽ trả sau khi bị cáo chấp hành án xong. Chứng minh nhân dân các

bị cáo được nhận lại sau khi chấp hành xong hình phạt.

- Trong lời tự bào chữa bị cáo Bùi Văn Tr thừa nhận số ma túy không pH bị cáo mua để sử dụng, số ma túy này là do Ph nhờ Tr mua mục đích để bán lại kiếm lời, tại phiên tòa lời khai của bị cáo khác với lúc điều tra là do Ph xúi giục mục đích thay đổi tội danh và hình phạt nhẹ hơn. Nhưng bị cáo đã suy nghĩ lại và nhận thấy hành vi của mình là sai trái nên khai ra sự thật xin HĐXX xử nhẹ về hình phạt.

- Sau khi bị cáo Tr thừa nhận hành vi phạm tội mua bán ma túy thì bị cáo Ph cũng thừa số ma túy đó là do bị cáo nhờ Tr mua để bán lại kiếm lời, bị cáo thấy mệt mỏi với việc đấu tranh của các cơ quan tiến hành tố tụng tại phiên tòa nên thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố xin HĐXX xử nhẹ về hình phạt.

- *Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo* đồng ý với tội danh, điểm, khoản, Điều BLHS mà Viện kiểm sát đưa ra để đề nghị HĐXX áp dụng xét xử đối với các bị cáo, nhưng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Sau khi các bị cáo trình bày lời tự bào chữa Kiểm sát viên đề nghị áp dụng thêm tình tiết người phạm tội thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho các bị cáo, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Ph vì bị cáo tự nguyện giao nộp số ma túy có trong người và đề nghị áp dụng điều luật, mức hình phạt đối với các bị cáo như sau:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; Điều 17, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Thị Kim Ph mức án từ 16 đến 17 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; Điều 17, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Văn Tr mức án từ 15 năm 06 tháng đến 16 năm 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hoạt động của các cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hiện hành; các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thay đổi lời khai quanh co về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo cho rằng bản thân không có hành vi mua bán ma túy bị cáo Ph biết gói giấy mà Tr đưa cho mình là ma túy nhưng bị cáo chỉ cầm dùng Tr, còn Tr cũng cho rằng mình tàng trữ ma túy mục đích để sử dụng. Xét biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai các bị cáo tại hồ sơ vụ án, các biên bản kiểm tra điện thoại tại các bút lục: 55, 56, 57, 58, 59, 60 về thời điểm bị cáo Ph chuyển tiền cho bị cáo Tr thì được bị cáo Tr chuyển tiền mua ma túy của đối tượng tên H, thời điểm các bị cáo bắt đầu đi chung với nhau và bị bắt quả tang, số lượng ma túy khi bị bắt quả tang đã có đủ cơ sở kết luận: Vào 00 giờ 00 phút ngày 30/3/2018 các bị cáo đã

bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Gia Lai tiến hành kiểm tra và lập biên bản phạm tội quả tang đang vận chuyển 36,1363 gam Heroin với mục đích để bán. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội.

[3] Ma túy là chất gây nghiện, là sản phẩm nhà nước độc quyền quản lý và thuộc danh mục cấm lưu thông trên thị trường. Tác hại của việc sử dụng trái phép chất ma túy và chất gây nghiện để lại nhiều tác hại xấu cho đời sống xã hội, sự bình yên của cộng đồng và chính với bản thân người sử dụng. Hành vi mua bán chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã vi phạm đường lối chính sách của Đảng và pháp luật hình sự của nhà nước ta trong việc phòng chống, ngăn ngừa hiểm họa ma túy, bài trừ các tệ nạn xã hội. Trong tình hình tội phạm có liên quan đến ma túy ngày càng tăng và có chiều hướng phức tạp nên cần phải nghiêm trị để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Để có một hình phạt tương xứng và phù hợp với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như nhân thân của các bị cáo trên cơ sở cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, bị cáo Ph là người khởi xướng liên lạc nhờ bị cáo Tr chỉ chỗ mua ma túy về bán, bị cáo Tr thực hiện một cách tích cực khi tìm người bán Heroin để mua cho Ph, còn bỏ tiền ra mua, vận chuyển ma túy cùng Ph về Kon Tum. Tuy nhiên xét về nhân thân của các bị cáo Bị cáo Ph đã bị 02 lần xét xử, trong đó có 01 tiền án cùng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999, bị cáo mới chấp hành xong hình phạt và được ra trại vào ngày 03/01/2018 đến tháng 03/2018 bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới, hành vi phạm tội lần này của bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Đối với bị cáo Tr có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội lần này bị cáo chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường dân sự đã được tuyên trong bản án trước nên chưa được xóa án tích, hành vi phạm này đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: pháp luật quy định khoan hồng đối với các đối tượng thành khẩn và biết ăn năn hối hận, sửa chữa sai lầm và trừng trị nghiêm khắc đối với các đối tượng ngoan cố chống đối, trong vụ án này các bị cáo đều có tiền án có nhân thân xấu, tại phiên tòa các bị cáo cố ý khai khác hành vi của mình nhằm mục đích thay đổi tội danh giảm mức hình phạt theo hướng nhẹ hơn, sau khi nghe Luật sư bào chữa giải thích những căn cứ để được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì bị cáo Tr đã tự nguyện khai đúng về hành vi phạm tội của mình nên cho bị cáo được hưởng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Riêng bị cáo Ph mặc dù được Luật sư bào chữa giải thích quy định pháp luật về hành vi của bị cáo theo hồ sơ vụ án, nhưng bị cáo vẫn không nhận thức được hành

vi sai trái của mình mà sau khi nghe bị cáo Tr thừa nhận chính bị cáo là người đã nhờ Tr mua ma túy và là người đã bày cho Tr khai gian dối tại phiên tòa thì bị cáo mới nhận số ma túy bị cáo cất giấu trong người mục đích để mua bán kiếm lời, nên chỉ cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo chứ bị cáo hoàn toàn không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

[6] Đối với Trương Văn H: Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra không có chứng cứ trực tiếp nào chứng minh hành vi phạm tội của H. Do đó không có căn cứ để xử lý H trong vụ án này. Đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục đấu tranh làm rõ hành vi của Trương Văn H.

[7] Về vật chứng xét:

- Xét 02 phong bì công văn có đặc điểm: 01 phong bì công văn của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai số 249/PC45 ngày 06/4/2018, được niêm phong dán kín có đặc điểm: mặt trước đánh số “01”, tại mép dán mặt sau có 03 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh Tâm, Phạm Đức Lâm và 01 phong bì công văn của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai số 249/PC45 ngày 06/4/2018, được niêm phong dán kín có đặc điểm: tại mép dán mặt sau có 06 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh Tâm, Phạm Đức Lâm không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- Xét 04 điện thoại di động cụ thể như sau: 01 điện thoại di động Nokia vỏ màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Samsung vỏ màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung vỏ màu đen, 01 điện thoại di động Nokia vỏ màu xanh là phương tiện các bị cáo dùng liên lạc khi phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước:

- Xét 01 điện thoại di động hiệu OPPO vỏ màu trắng-hồng, 01 chứng minh nhân dân và 01 hộ chiếu mang tên Bùi Thị Kim Ph là tài sản của bị cáo Ph không liên quan đến quá trình phạm tội nên trả lại cho bị cáo Bùi Thị Kim Ph:

- Xét số tiền 700.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank mang tên Bùi Văn Tr là tài sản của bị cáo Tr không liên quan đến quá trình phạm tội nên trả lại cho bị cáo Bùi Văn Tr:

[8] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Từ các nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Kim Ph và Bùi Văn Tr phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015,

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị Kim Ph 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2018.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn Tr 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2018.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì công văn của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai số 249/PC45 ngày 06/4/2018, được niêm phong dán kín có đặc điểm: mặt trước đánh số “01”, tại mép dán mặt sau có 03 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh Tâm, Phạm Đức Lâm và 01 phong bì công văn của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai số 249/PC45 ngày 06/4/2018, được niêm phong dán kín có đặc điểm: tại mép dán mặt sau có 06 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự nội dung “CÔNG AN TỈNH GIA LAI * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh Tâm, Phạm Đức Lâm.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 04 điện thoại di động, cụ thể như sau: 01 điện thoại di động Nokia vỏ màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Samsung vỏ màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung vỏ màu đen, 01 điện thoại di động Nokia vỏ màu xanh.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Thị Kim Ph: 01 điện thoại di động hiệu OPPO vỏ màu trắng-hồng, 01 chứng minh nhân dân và 01 hộ chiếu mang tên Bùi Thị Kim Ph. Chứng minh nhân dân và hộ chiếu bị cáo được nhận lại sau khi chấp hành xong hình phạt.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn Tr: số tiền 700.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank mang tên Bùi Văn Tr. Chứng minh nhân dân bị cáo được nhận lại sau khi chấp hành xong hình phạt.

(Tất cả các vật chứng trên có tên, số lượng, khối lượng, đặc điểm, tình trạng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 46/2018 ngày 11/9/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Gia Lai và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Bùi Thị Kim Ph và Bùi Văn Tr, mỗi bị cáo pH nộp 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện KSND cấp cao
- Viện KSND tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tam giam T20;
- Bị cáo;
- Lưu Tòa HS, VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Hồng